

Bản án số: 46/2018/HS-PT
Ngày: 30/01/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Liệt.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Thanh Nguyễn.
2. Bà Phạm Uyên Thy.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 666/2017/HSPT ngày 22/11/2017 đối với bị cáo Nguyễn Hồng N do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại Trần Thị Thùy Q đối với bản án hình sự sơ thẩm số 168/2017/HSST ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hồng N, sinh năm 1970 tại Thành phố Hà Nội; nơi thường trú: AC2/12 Mỹ Khánh 3, Lô H11-2, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 107D Chung cư Parkland, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Hồng N; có chồng (không rõ) và 02 con sinh năm 1996 và 2000; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Hà Ngọc Tuyên thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng N. (có mặt).

Người bị hại có kháng cáo: Bà Trần Thị Thùy Q, sinh năm: 1977; trú tại: AC2-12 Lô H11-2 MK3, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1982; trú tại: 187/7 Đ, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự: Luật sư Nguyễn Thị Kim Hồng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ quyền, lợi ích

hợp pháp cho bà Trần Thị Thùy Q. (gửi bài bảo vệ và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Bà Đặng Thị S, sinh năm: 1980; trú tại: 31 G, Khu phố 4, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

2. Bà Lý Thị H, sinh năm: 1978; trú tại: 3D8-1 S3, Khu phố 6, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

3. Cháu Nguyễn Châu M, sinh năm 2000; nơi thường trú: AC2/12 MK, Lô H11-2, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 107D Chung cư P, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Hồng N là mẹ ruột của cháu Minh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2004, Nguyễn Hồng N mua căn hộ AC2/12 Mỹ Khánh 3, Lô H11-2, phường Tân Phong, Quận 7 của Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng. Đầu năm 2012, thông qua Công ty TNHH Nam Thổ do bà Lý Thị H là Giám đốc, làm trung gian môi giới bà Nguyễn Hồng N bán căn hộ AC2/12 Mỹ Khánh 3 cho bà Trần Thị Thùy Q với giá 5.400.000.000 đồng. Bà Trần Thị Thùy Q đã thanh toán cho Nguyễn Hồng N số tiền 4.999.022.500 đồng, số tiền còn lại là 400.977.500 đồng hai bên thống nhất khi nào sang tên cho Trần Thị Thùy Q thì Trần Thị Thùy Q thanh toán hết. Nguyễn Hồng N đã bàn giao hồ sơ gốc căn hộ và giao quyền sử dụng căn hộ cho Trần Thị Thùy Q. Từ tháng 5/2012, Trần Thị Thùy Q cùng gia đình dọn về ở tại căn hộ.

Do chưa làm thủ tục sang tên xong nên Trần Thị Thùy Q chưa thanh toán số tiền còn lại. Đến ngày 23, 24, 25/6/2015, Nguyễn Hồng N gửi thư điện tử cho Trần Thị Thùy Q yêu cầu thanh toán cho Nguyễn Hồng N 250.000.000 đồng, nhưng Trần Thị Thùy Q không đồng ý.

Khoảng 17 giờ ngày 27/6/2015, Nguyễn Hồng N cùng con trai là Nguyễn Châu M, sinh năm 2000 đến căn hộ AC2/12 Mỹ Khánh 3 tìm Trần Thị Thùy Q nhưng Trần Thị Thùy Q khóa cửa căn hộ đang đi công tác nước ngoài. Nguyễn Hồng N nhờ bảo vệ khu chung cư kêu thợ đến mở khóa cửa nhà rồi cùng con trai tự ý vào căn hộ ở đến sáng ngày 29/6/2015 thì bị người nhà của Trần Thị Thùy Q phát hiện tố giác đến Cơ quan công an về hành vi “Xâm phạm chỗ ở của công dân”.

Tiến hành kiểm tra phát hiện Nguyễn Hồng N đang cất trong túi xách giấy tờ của Trần Thị Thùy Q gồm: Giấy đăng ký xe ô tô biển số 51A-04535, CMND, hộ khẩu và Giấy đăng ký kết hôn.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị Thùy Q khai bị Nguyễn Hồng N xâm phạm chỗ ở là căn hộ AC2/12 Mỹ Khánh 3 là nơi mà gia đình đang ở. Qua kiểm tra

phát hiện tài sản bị lục tung, xáo trộn, tài sản bị mất gồm: 12.000.000 đồng tiền mặt, 02 máy chụp ảnh hiệu Canon, nhiều dầu thơm, rượu và các vật dụng khác không xác định được. Tổng giá trị tài sản khoảng 35.000.000 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Hồng N phải bồi thường.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 168/2017/HSST ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7 đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng N phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân”.

Áp dụng khoản 1 Điều 124; điểm h khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt Nguyễn Hồng N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về chính quyền địa phương phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/11/2017, bị cáo Nguyễn Hồng N có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 7 với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn diện chứng cứ, hủy bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo không phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân”, đình chỉ vụ án.

Ngày 01/11/2017, người bị hại Trần Thị Thùy Q có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 7 đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại từ đầu do bị cáo Nguyễn Hồng N còn có hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nhưng chưa được điều tra làm rõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn Hồng N khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày thứ bảy 27/6/2015, bị cáo cùng con trai đến căn hộ AC2/12 Mỹ Khánh 3 để gặp Trần Thị Thùy Q giải quyết việc thuê, mua căn hộ trên, do chờ không gặp được Trần Thị Thùy Q nên bị cáo báo với bảo vệ chung cư, báo công an phường cho bị cáo được vào căn hộ của mình. Sau khi liên lạc công an phường, bảo vệ báo do là ngày nghỉ nên chờ đến thứ hai giải quyết, bảo vệ đã kêu thợ làm chìa khóa đến mở cửa căn hộ và nói bị cáo vào ở chờ đến thứ hai gặp bà Trần Thị Thùy Q giải quyết. Bị cáo đã vào ở căn hộ trên đến sáng thứ hai ngày 29/6/2015 thì người nhà bà Trần Thị Thùy Q phát hiện và báo công an phường. Trong thời gian ở tại căn hộ trên thì bị cáo có nhờ người vào dọn dẹp, làm vệ sinh, không có trộm cắp tài sản gì của bà Trần Thị Thùy Q, việc các giấy tờ mang tên bà Trần Thị Thùy Q là do bị cáo với đại diện ban quản lý chung cư nhật dưới nền nhà bỏ vào trong kệ nhựa để trên bàn và giao nộp cho công an phường chứ không phải trong túi xách của bị cáo. Căn hộ này, bị cáo mua từ năm 2004 vào ở đến năm 2010 thì cho thuê thông qua ủy quyền do bà H thực hiện, việc bà H cho bà Trần Thị Thùy Q thuê và chuyển qua hợp đồng hứa mua, hứa bán bị cáo chỉ nhận được 540.000.000 đồng, không nhận được tổng số tiền 4.999.022.500 đồng như bên bà Trần Thị Thùy Q khai. Trước ngày bị cáo đến gặp bà Trần Thị Thùy Q thì bị cáo có gửi thư điện tử (email) trao đổi và hẹn gặp tại căn hộ để giải quyết, bị cáo không hề đòi thêm 250.000.000 đồng hay bất kỳ khoản tiền nào. Trong thời gian ở căn hộ, bị cáo nhiều lần điện thoại liên lạc với

bà Trần Thị Thùy Q để báo cho bà Trần Thị Thùy Q biết bị cáo đang ở tại căn hộ để bà Trần Thị Thùy Q đến giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thấy hành vi của Điều tra viên thực hiện không đúng như làm việc với bị cáo không ở trụ sở công an quận mà ở đường Huỳnh Tấn Phát, đưa biên bản giấy trắng báo bị cáo ký không trước, ghi sau, ngày và địa chỉ trong các biên bản làm việc bị cáo không có mặt ở Việt Nam, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú được giao cho công an nơi bị cáo đang tạm trú nhưng thời điểm đó bị cáo không hề đăng ký tạm trú và ở địa chỉ như trong lệnh ghi. Bị cáo đã khiếu nại nhiều lần nhưng không được giải quyết.

Đại diện theo ủy quyền của người bị hại Trần Thị Thùy Q là bà Trần Thị Kim T khai nhận: ngày 29/6/2015 khi biết bị cáo Nguyễn Hồng N tự ý vào ở căn hộ AC2/12 Mỹ Khánh 3 thì ngày 30/9/2015, bà Trần Thị Thùy Q từ Úc bay về Việt Nam và làm đơn tố cáo hành vi của bị cáo gửi đến công an phường, yêu cầu xử lý hình sự về hành vi trộm cắp tài sản mà chị bị mất trị giá khoảng 35.000.000 đồng. Sau đó, Công an phường có làm việc với chị một lần và không mời đến giải quyết nữa, cho đến tháng 8/2016 thì công an phường có mời chị nhưng do chị ở nước ngoài thường xuyên nên có ủy quyền cho bà Thùy đến cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án để giải quyết vụ việc. Căn hộ trên, bà Trần Thị Thùy Q mua của bị cáo Nguyễn Hồng N từ năm 2012 thông qua người môi giới là bà Hạnh, bà Sa (bà Hạnh môi giới cho chị Nguyễn Hồng N, bà Sa môi giới cho bà Trần Thị Thùy Q) với giá 5,4 tỷ đồng; bà Trần Thị Thùy Q đã thanh toán cho bị cáo Nguyễn Hồng N tổng số tiền là 4.999.022.500 đồng và cùng gia đình vào ở cho đến nay. Sau khi phát hiện bị cáo Nguyễn Hồng N vào ở trong căn hộ trên, khi về nước bà Trần Thị Thùy Q kiểm tra thấy mất 12.000.000 đồng tiền mặt, 02 máy chụp ảnh hiệu Canon cùng một số rượu, giày dép và tài sản khác. Tổng trị giá khoảng 200.000.000 đồng. Do công an phường, cơ quan điều tra không thực hiện việc khám nghiệm hiện trường, khám xét những người vào căn hộ khi có mặt bà Trần Thị Thùy Q nên bà Trần Thị Thùy Q không chứng minh được số tài sản bị mất, mãi đến tháng 8/2016 mới nhận được kết luận điều tra vụ án, bà Trần Thị Thùy Q có khiếu nại về việc mất số tài sản trên, Tòa án nhân dân Quận 7 khi xét xử đã bỏ lọt tội phạm trộm cắp tài sản đối với bị cáo. Trong đơn kháng cáo bị hại kháng cáo yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng. Nhưng sau khi hội đồng xét xử công bố bài bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại xác định bị cáo đã lấy một số tài sản bỏ vào va ly, di dời ti vi xuống chuẩn bị đem đi nhưng bị phát hiện ngăn chặn lại nên bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản chưa đạt đôi với số tài sản trị giá 200.000.000 đồng, còn số tài sản 35.000.000 đồng là bị cáo đã lấy mất chưa thu hồi được thì bà T đồng ý với quan điểm này và chỉ yêu cầu xem xét đối với việc bị mất cắp số tài sản trị giá 35.000.000 đồng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N về tội danh “Xâm phạm chỗ ở của công dân” theo khoản 1 Điều 124 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo, người bị hại kháng cáo trong thời gian hợp lệ.

Tại phiên tòa bị cáo cho rằng giai đoạn điều tra bị cáo bị ép cung, bị cáo không phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân” và mong muốn được minh oan. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Hồng N đã thừa nhận có ký các hợp đồng mua bán căn hộ, đã giao tài sản cho bà Trần Thị Thùy Q, việc bà tự ý mở khóa vào nhà ở là hành vi xâm phạm chỗ ở của công dân nên cấp sơ thẩm xử phạt bị mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là không oan sai, phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Người bị hại kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức án 06 tháng tù cho hưởng án treo là không phù hợp và còn bỏ lọt tội danh trộm cắp tài sản nhưng không nêu được căn cứ gì chứng minh.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Hà Ngọc Tuyền trình bày bài bào chữa cho bị cáo cho rằng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, qua lời khai của bị cáo Nguyễn Hồng N cho thấy bị cáo không phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân. Vụ án này ngay từ giai đoạn giải quyết tiền tố tụng, tiếp nhận đơn tố giác tội phạm đến giai đoạn điều tra, truy tố chưa làm rõ nhiều vấn đề còn mâu thuẫn, bị cáo có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên nhưng chưa được giải quyết.

Hồ sơ giải quyết tin báo tội phạm có phải là chứng cứ vụ án hay không, giao dịch hứa mua, hứa bán căn hộ AC2/12 Mỹ Khánh 3 giữa bị cáo với bà Trần Thị Thùy Q có thật hay là giả cách, số tiền bị cáo nhận từ bà Trần Thị Thùy Q chỉ là 540.000.000 đồng hay 4.999.022.500 đồng? Có cơ sở cho thấy điều tra viên đưa biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung cho bị cáo ký tên trước và sau đó điều tra viên tự ghi nội dung vào, được thể hiện là ngày lấy lời khai bị cáo không có ở Việt Nam và đang ở nước ngoài. Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú thời điểm tạo lập 27/01/2016 ghi bị cáo được phép ở tại 107D Chung cư P, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng thời điểm đó bị cáo chưa ở tại đây mà đang ở nhà thuê tại chung cư The Manor mãi đến tháng 5/2016 mới về địa chỉ trên ở và có đăng ký tạm trú. Bị hại Trần Thị Thùy Q là người quản lý hợp pháp căn nhà, có phải là nơi cư trú hay không bởi trước thời điểm bị cáo được cho là phạm tội cho tới thời điểm hôm nay bà Trần Thị Thùy Q định cư ở nước ngoài hoàn toàn không có mặt tại Việt Nam, căn nhà được bị hại ở hay bỏ trống hoàn toàn. Ngoài ra, việc xác minh về xuất nhập cảnh của bà Trần Thị Thùy Q, ghi lời khai của bà Nghê là người được bị cáo thuê đến nhà, của bà H là người quản lý Tòa nhà chưa được thực hiện; có hay không việc những người nhà của bị hại tự làm xôn trộn căn nhà.

Việc bị hại cho rằng bị cáo trộm cắp tài sản của bị hại là không có cơ sở vì khi bị cáo vào ở có sự chứng kiến của bảo vệ, của thợ làm chìa khóa và sau đó có điện thoại báo cho bị cáo biết nhưng không liên lạc được, bị cáo có nhờ chị Nghê vào làm vệ sinh, có công an phường đến trực tiếp niêm phong căn hộ đều không thấy bị cáo có hành vi cất giấu tài sản gì của bà Trần Thị Thùy Q. Suốt quá trình điều tra cho đến nay, bị hại đã cố ý muốn hình sự hóa sự việc, gây áp

lực cho bị cáo, Điều tra viên chưa xác minh làm rõ việc bị cáo vào ở căn hộ AC2/12 Mỹ Khánh 3 theo như lời khai của bị cáo tại phiên tòa là ngay tình, công khai hay không? Hành vi của bị cáo không nguy hiểm cho xã hội nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội xâm phạm chỗ ở của công dân. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án hình sự sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

Bị cáo Nguyễn Hồng N đồng ý với lời bào chữa của vị luật sư, và đề nghị Hội đồng xem xét lại vụ án một cách toàn diện, khách quan để trả lại danh dự, minh oan cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Thị Kim Hồng có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi bài bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Thùy Q thể hiện: việc bị cáo Nguyễn Hồng N lén lút đột nhập vào nhà bà Trần Thị Thùy Q trong khi biết bà Trần Thị Thùy Q không có ở trong căn hộ trên và đã dọn đồ đạc của bà Trần Thị Thùy Q cho vào va ly, di dời ti vi từ kệ xuống nền nhà tổng trị giá tài sản khoảng 200.000.000 đồng nhưng bị ông Ôn A Chai phát hiện và kịp thời ngăn chặn nên chưa tẩu tán được tài sản ra ngoài, cho thấy với số tài sản này bị cáo Nguyễn Hồng N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa đạt. Riêng số tài sản bị mất gồm 12.000.000 đồng, 02 máy ảnh hiệu Canon, một số rượu, giày dép bị mất tổng trị giá là 35.000.000 đồng thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc mất tài sản này là do bị cáo thực hiện, cấp sơ thẩm chưa xem xét là ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại và bỏ lọt tội phạm. Do đó, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 7 để điều tra lại.

Đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị Thùy Q là bà Trần Thị Kim T đồng ý với bài bảo vệ của Luật sư Hồng, ngoài ra còn đề nghị lấy lời khai của bảo vệ Thắng, bà Nghê (người được bị cáo thuê dọn vệ sinh) và số tiền 850.000 đồng mà bị cáo trả cho người thợ sửa khóa trong khi bị cáo hôm trước bị cáo không có tiền mà ngày hôm sau khi đã vào ở căn hộ của bà Trần Thị Thùy Q thì lại có tiền để trả.

Tranh luận lại lời bào chữa của các vị Luật sư, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, đại diện Viện kiểm sát cho rằng các quan điểm mà luật sư, bị cáo, phía bị hại đưa ra đã được cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ nên bảo lưu quan điểm như đã trình bày, không tranh luận gì thêm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, luật sư bào chữa cho bị cáo bảo lưu quan điểm như đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án với lời khai báo, trình bày của bị cáo, luật sư bào chữa, đại diện theo ủy quyền của bị hại tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung vụ án còn nhiều mâu thuẫn, chưa được cấp sơ thẩm làm rõ, cụ thể như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: năm 2004, bị cáo Nguyễn Hồng N mua căn hộ AC2/12 Mỹ Khánh 3, Lô H11-2, phường Tân Phong, Quận 7 của Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà. Ngày 20/4/2012 giữa bị cáo và bà Trần Thị Thùy Q có làm bản hợp đồng đặt cọc, phụ lục hợp đồng đặt cọc, đến ngày 25/4/2012 bị cáo và bà Trần Thị Thùy Q đã ký kết hợp đồng hứa mua, hứa bán căn hộ số AC2-12 Lô H11-2 Mỹ Khánh 3, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 5.400.000.000 đồng, đã thanh toán được 4.999.022.500 đồng, còn lại 400.977.500 đồng sẽ trả sau. Việc mua bán này được bà Hạnh và bà Sa môi giới. Do cần tiền nên bị cáo nhiều lần liên lạc qua điện thoại, gửi thư điện tử yêu cầu bà Trần Thị Thùy Q trả tiếp số tiền còn lại nhưng và Trần Thị Thùy Q không đồng ý vì căn hộ trên chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bà Trần Thị Thùy Q.

Ngày 27/6/2015, bị cáo cùng với con trai là Nguyễn Châu M (chưa đủ 16 tuổi) đến căn hộ trên để gặp bà Trần Thị Thùy Q đòi tiền. Tại đây, do không có bà Trần Thị Thùy Q nên bị cáo đã nhờ bảo vệ Tòa nhà tìm thợ sửa khóa để mở khóa cửa vào căn hộ và sau đó gọi chị Nghệ là người giúp việc cũ đến dọn vệ sinh căn hộ. Sáng ngày 29/6/2015, ông Ôn A Chai là người được bà Trần Thị Thùy Q thuê để trông coi căn hộ trên phát hiện nên báo cho bà Trần Thị Thùy Q biết. Lúc này, bà Trần Thị Thùy Q đang ở nước ngoài, ngày hôm sau bà Trần Thị Thùy Q về nước và đã đến Công an phường Tân Phong trình báo sự việc trên và khai nhận bị mất 12.000.000 đồng tiền mặt, 02 máy chụp ảnh hiệu Canon, nhiều dầu thơm, rượu và các vật dụng khác không xác định được. Tổng giá trị tài sản khoảng 35.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian bị cáo Nguyễn Hồng N đang chờ UBND Quận 7 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với căn hộ trên để làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên cho bà Trần Thị Thùy Q thì căn hộ trên lại bị Tòa án nhân dân Quận 2 ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2013/QĐ-BPKCTT ngày 30/7/2013 là cấm chuyển nhượng căn hộ trên nhằm đảm bảo thi hành án cho 01 vụ án dân sự khác tại Tòa án nhân dân Quận 2.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày hợp đồng hứa mua, hứa bán giữa bị cáo và bà Trần Thị Thùy Q được lập là giả cách nhằm để cho chị Trần Thị Thùy Q vay tiền Nguyễn Hồng N hàng, bị cáo mới chỉ nhận của bà Trần Thị Thùy Q 540.000.000 đồng chứ chưa hề nhận tổng số tiền 4.999.022.500 đồng; bà Trần Thị Thùy Q thực tế không ở tại căn hộ trên mà thường xuyên ở nước ngoài; ngày 27/6/2015, bị cáo đến căn hộ có báo trước cho bà Trần Thị Thùy Q và sau khi vào ở trong căn hộ cũng điện thoại báo cho bà Trần Thị Thùy Q biết. Việc bị cáo vào trong căn hộ có sự chứng kiến của bảo vệ và của thợ sửa khóa.

[2] Căn cứ vào Điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: “Chứng cứ là những gì có thật được thu thập theo trình tự thủ tục do Bộ luật này quy định mà cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án dùng làm căn cứ để xác

định có hay không hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án”. Qua đó thấy rằng việc thu thập chứng cứ của cơ quan điều tra chưa tuân thủ đúng, đủ trình tự, thủ tục để xác định đầy đủ những yếu tố cơ bản cấu thành tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân” được quy định tại Điều 124 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó cần phải làm rõ để xác định căn hộ số AC2-12 Lô H11-2 Mỹ Khánh 3 là chỗ ở hợp pháp của bà Trần Thị Thùy Q được pháp luật công nhận, bảo vệ và hành vi của bị cáo vào trong căn hộ này là hành vi xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác. Ngoài ra, bị hại cũng có kháng cáo về việc bỏ lọt tội trộm cắp tài sản mà cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ.

Xét thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

[3] Về quan điểm của Luật sư và bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân”, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại cho rằng cần xem xét bị cáo Nguyễn Hồng N có hành vi trộm cắp tài sản, đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên những nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo, kháng cáo của người bị hại xem xét bỏ lọt tội danh đối với bị cáo và các quan điểm của luật sư sẽ được xem xét trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 168/2017/HSST ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND Quận 7; (1)
- CC THA Quận 7; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (2)
- TAND Quận 7; (2)
- Công an Quận 7; (1)
- Phòng PC 53-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Liệt

- Luật sư, đương sự; (5)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (25) (4)